

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia năm 2025****BỘ TRƯỞNG****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) năm 2025”.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG****Lê Xuân Định**

## Phụ lục

### KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/ đối tượng TCVN	Tên TCVN	Tên, số hiệu tiêu chuẩn, tài liệu kỹ thuật làm căn cứ xây dựng	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng dự thảo TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<b>I. <u>BỘ CÔNG AN</u></b>									
<b>Phòng cháy chữa cháy</b>									
1.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy - Phần 30: Thiết kế, lắp đặt đầu báo cháy vi deo	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			
2.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng bọt - Phần 1: Thiết bị định lượng chất tạo bọt	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			
3.		Phòng cháy chữa cháy - Thiết bị chữa cháy - Lãng giá chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn về PCCC hiện hành trong nước	C07, Bộ Công an	2025	2026			

4.		Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 5: Khí chữa cháy FK-5-1-12	Sửa đổi, bổ sung TCVN 7161-5:2021	C07, Bộ Công an	2025	2026			
5.		Thiết bị chữa cháy - Hệ thống chữa cháy cacbon dioxit - Thiết kế và lắp đặt	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6101:1996 (ISO 6783:1990)	C07, Bộ Công an	2025	2026			
6.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống Sprinkler tự động - Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử đối với Sprinkler	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6305-1:2007 (ISO 61821:2021)	C07, Bộ Công an	2025	2026			
<b>II. <u>BỘ NỘI VỤ</u></b>									
7.		Bìa hồ sơ	Sửa đổi, bổ sung TCVN 9251:2012 - Luật Lưu trữ năm 2024 - Kết quả nghiên cứu chuyên đề “Khảo sát thực tiễn áp dụng TCVN 9251:2012”	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	2025	2026			
8.		Giấy bồi nền tài liệu giấy	Sửa đổi, bổ sung TCVN 10999:2015 - Khảo sát thực tiễn áp dụng TCVN 10999:2015	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	2025	2026			
<b>III. <u>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</u></b>									
<b>Giống cây trồng nông nghiệp</b>									
9.		Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định	Xây dựng mới TG/23/7 do UPOV ban hành năm 2022, QCVN 01-69:2011 về khảo	Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng - Cục Trồng trọt	2025	2026			

		(DUS - Phần 25: Giống khoai tây	nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống khoai tây						
10.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống lúa	Soát xét TCVN 13382-1:2021 Sửa đổi, bổ sung TCVN 13382-1:2021 và UPOV TG/16/9 Tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lúa (Hiệp hội bảo hộ giống cây trồng quốc tế)	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
11.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống đậu xanh	Xây dựng mới - Khảo sát thực tế, Phiếu mô tả đánh giá ban đầu nguồn gen đậu xanh, - TG/321/1 Hướng dẫn khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu đỗ Trung Quốc (Hiệp hội bảo hộ giống cây trồng quốc tế)	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
12.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) của giống su hào	Xây dựng mới Tài liệu QCVN 01-94:2012/BNNPTNT và UPOV TG/65/4 Rev.2 Hướng dẫn khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào (Hiệp hội	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			

			bảo hộ giống cây trồng quốc tế)						
13.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) của giống khoai tây	Xây dựng mới QCVN 01-59:2011 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
14.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) của giống đậu xanh	Xây dựng mới QCVN 01-62:2011 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
15.		Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) của giống su hào	Xây dựng mới QCVN 01-88:2012 về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
16.		Giống cây nông nghiệp - Sản xuất giống - Phân 8: Hạt giống lạc	Xây dựng mới + QCVN 01-48:2011 về chất lượng hạt giống lạc + QCVN 01-67:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lạc	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
17.		Giống cây nông nghiệp – Sản xuất giống – Phân 9: Hạt giống đậu tương	Xây dựng mới + QCVN 01-49:2011 về chất lượng hạt giống đậu tương + QCVN 01-68:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu tương	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			

			+ TCVN 12181:2018 Quy trình sản xuất hạt giống cây trồng tự thụ phấn + Tổng kết thực tiễn						
18.		Giống cây nông nghiệp - Sản xuất giống - Phần 10: Củ giống khoai tây	Xây dựng mới + QCVN 01-52:2011 về chất lượng củ giống khoai tây + QCVN 01-69:2011 về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống khoai tây + Tổng kết thực tiễn	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia	2025	2026			
<b>Bảo vệ thực vật</b>									
19.		Hướng dẫn về công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được miễn thiết lập giới hạn tồn dư tối đa hoặc không phát sinh tồn dư	Xây dựng mới Chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn CODEX CXG 97-2022 . Hướng dẫn về công nhận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được miễn thiết lập giới hạn tồn dư tối đa hoặc không phát sinh tồn dư	Cục Bảo vệ thực vật	2025	2026			
20.		Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 2-....: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định nấm <i>Ciborinia allii</i> (Sawada) L.M. Kohn.	Xây dựng mới Tài liệu bảo vệ cây trồng (2024) - Frank M. Dugan, 2006, The identification of fungi. The American Phytopathological Society.	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			

			<p>Frank M. Dugan, 2006. Giám định nấm bệnh. Hiệp hội bệnh lý thực vật Hoa Kỳ - TCVN 12195-1:2019. Quy trình giám định nấm gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung</p>						
21.		<p>Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định tuyến trùng hoại tử rễ chuỗi <i>Pratylenchus</i> <i>goodeyi</i> Sher &amp; Allen.</p>	<p>Xây dựng mới Pablo Castillo, Nicola Vovlas, 2008. giám định, đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và biện pháp quản lý giống <i>Pratylenchus</i>, (ngành giun tròn, họ <i>Pratylenchidae</i>) Mohammad Rafiq Siddiqi, 1986. Tuyên trùng ký sinh thực vật và côn trùng bộ <i>Tylenchida</i>, xuất bản lần 2. - TCVN 12194-1:2029. Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung</p>	<p>Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật</p>	2025	2026			
22.		<p>Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định ruồi đục quả Ca- ri- bê <i>Anastrepha</i> <i>suspensa</i> (Loew)</p>	<p>Xây dựng mới IPPC, 2015. Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật. Tiêu chuẩn số 27, Quy trình giám định dịch hại thuộc điện điều chỉnh. DP 9: <i>Giống <i>Anastrepha</i></i></p>	<p>Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật</p>	2025	2026			

			<p>Schiner - TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung</p>						
23.		<p>Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định mọt da glabrum <i>Trogoderma glabrum</i> (Herbst)</p>	<p>Xây dựng mới - Beal, R. S. Jr, 1960. Mô tả đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học và ghi chú về việc giám định sâu non <i>Trogoderma</i> (Coleoptera: Dermestidae). Bản tin kỹ thuật số 1228. - TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung</p>	<p>Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật</p>	2025	2026			
24.		<p>Quy trình giám định côn trùng và nhện hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với rệp sáp giả <i>Pseudococcus jackbeardsleyi</i> và rệp sáp bột đuôi dài <i>Pseudococcus longispinus</i>.</p>	<p>Xây dựng mới Zheng và cộng sự (2018). Giám định mã vạch DNA đối với các loài rệp sáp họ Pseudococcidae (Hemiptera: Coccoidea) sử dụng đoạn gen trong ty thể COI) Rezeki và cộng sự (2021). Khóa phân loại cho trưởng thành và ấu trùng của các loài rệp sáp (Hemiptera: Pseudococcidae) gây hại</p>	<p>Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật</p>	2025	2026			

			trên thanh long tại Indonesia)						
25.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định vi khuẩn gây bệnh thối quả <i>Acidovorax citrulli</i>	Xây dựng mới Tiêu chuẩn Châu Âu OEPP/EPPO PM 7/127 (1):2016 “ <i>Acidovorax citrulli</i> ” Slovareva và cộng sự. (2019). Quy trình đề xuất để phát hiện và giám định vi khuẩn <i>Acidovorax citrulli</i> trong hạt giống)	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			
26.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định <i>Columnea latent viroid (CLVd)</i>	Xây dựng mới Tiêu chuẩn Châu Âu OEPP/EPPO PM 7/138(1):2021 “Pospiviroids (genus Pospiviroid)”. Sukhontip Sombat, Kanungnit Reanwarakorn1 and Kai-Shu Ling. (2018). Developing a multiplex real-time RT-PCR for simultaneous detection of Pepper chat fruit viroid and <i>Columnea latent viroid</i> . <i>Australasian Plant Pathology</i> 47	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2025	2026			

Lâm nghiệp										
27.		Tín chỉ các-bon rừng - Yêu cầu chung	<p>Xây dựng mới</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiêu chuẩn các-bon được xác minh (<i>Verified Carbon Standard</i>) do Tổ chức VERRA công bố.</li> <li>2. Tiêu chuẩn toàn vẹn môi trường đối với hoạt động giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, thúc đẩy quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng (<i>REDD+ Environmental Excellence Standard – TREES</i>) do Tổ chức ART công bố.</li> <li>3. Tiêu chuẩn vàng (<i>Gold standard</i>) do WWF và một số tổ chức phi chính phủ công bố.</li> <li>4. Tiêu chuẩn Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (<i>The Climate, Community and Biodiversity Standards – CCB standard</i>) do Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng sinh học (<i>Climate, Community and Biodiversity Alliance - CCBA</i>) công bố.</li> </ol>	Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững	2025	2026				

			5. Tham khảo các tài liệu đo đạc, báo cáo, tính toán các-bon của IPCC, REDD+						
28.		Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài lâm sản ngoài gỗ - Phần xx: Sâm lai châu	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Tiêu chuẩn cơ sở Giống cây lâm nghiệp – Cây giống Sâm lai châu. Viện KHLNVN.</p> <p>2. Phạm Quang Tuyển (2019), Báo cáo đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Nhà nước: “Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây Sâm lai châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>fuscidicus</i> K.Komatsu, S.Zhu &amp; S.Q.Cai).”</p> <p>3. Nguyễn Quang Hưng (2021), Báo cáo dự án nghiên cứu Khoa học Công nghệ tỉnh Lai Châu: “Xây dựng mô hình trồng, nhân giống Sâm Lai Châu nhằm bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc hữu tại các huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu”.</p>	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			
29.		Keo dán gỗ - Phương pháp thử để đánh giá và lựa chọn keo dán cho các sản phẩm gỗ nội thất - (Phần 1: Khả năng chống	Xây dựng mới (Chấp nhận, có sửa đổi bổ sung tiêu chuẩn quốc tế)	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			

		tách lớp trong môi trường không khắc nghiệt; Phần 2: Khả năng chống tách lớp trong môi trường khắc nghiệt) Phải tách ra 2 phần, cập nhật năm 2020	Tiêu chuẩn quốc tế (1. <i>ISO 26842-1:2013. Adhesives - Test methods for the evaluation and selection of adhesives for indoor wood products - Part 1: Resistance to 2) ISO 26842-2:2013.2. Adhesives - Test methods for the evaluation and selection of adhesives for indoor wood products - Part 2: Resistance to delamination in severe environments; in non-severe environments</i> );						
30.		Keo dán gỗ - (Phần 1: Phương pháp xác định hàm lượng khô; Phần 2: Phương pháp xác định độ nhớt; Phần 3: Phương pháp xác định độ pH; Phần 4: Phương pháp xác định thời gian sống)	Xây dựng mới (Chấp nhận, có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế) Tiêu chuẩn quốc tế (1. <i>ASTM D1582 - 98(2017), Standard Test Method for Nonvolatile Content of Liquid Phenol, Resorcinol, and Melamine Adhesives</i> ; 2. <i>ASTM D1489-09(2021) Standard Test Method for Nonvolatile Content of Aqueous Adhesives</i> ; 3. <i>ASTM D1084-16(2021). Standard Test Methods for Viscosity of Adhesives</i> ;	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			

			<p>4. ASTM E70-19. <i>Standard Test Method for pH of Aqueous Solutions With the Glass Electrode;</i></p> <p>5. ASTM D1337-10(2021). <i>Standard Practice for Storage Life of Adhesives by Viscosity and Bond Strength).</i></p>						
31.		Composite tre -gỗ dùng làm sàn container	<p>Xây dựng mới (Chấp nhận, có bổ sung tiêu chuẩn quốc tế)</p> <p>Tiêu chuẩn quốc tế (1. ISO 5942:2024 <i>Bamboo-wood composite for container flooring;</i> 2. GB/T 19536 - 2015 <i>Plywood for Container Flooring;</i> 3. IICL TB 001 – <i>January 02,2019 “Perfromance Standard for New and Unuse);</i></p>	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			
32.		Đường lâm nghiệp - Yêu cầu thiết kế	<p>Soát xét TCVN 7025:2002.</p> <p>Xây dựng mới, bổ sung nội dung và soát xét, thay thế TCVN 7025:2002.</p>	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
33.		Nông nghiệp hữu cơ - Phân: Quế hữu cơ	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Giáo trình Moddun trồng Quế, 2018;</p> <p>2. Trồng trọt hữu cơ. Hiệp hội hữu cơ Việt Nam,</p>	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			

			<p>2018;</p> <p>3. Cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật sản xuất quế bền vững;</p> <p>4. Cây Quế và kỹ thuật trồng. NXB Nông nghiệp;</p> <p>5. Hướng dẫn kỹ thuật trồng Quế, 2019;</p> <p>6. Đề tài cấp Nhà nước về phát triển nguồn gen Quế Thanh Hóa, 2016;</p> <p>7. Đề tài cấp Bộ về nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng Quế, 2022.</p> <p>8. Đề tài cấp Bộ về phòng trừ sâu chính hại Quế, 2023</p>						
34.		Phương pháp điều tra trữ lượng rừng ngập mặn	<p>Xây dựng mới Giáo trình điều tra rừng. NXB Nông nghiệp và các công trình nghiên cứu có liên quan.</p> <p>Cẩm nang ngành Lâm nghiệp. Chương: Công tác điều tra rừng ở Việt Nam. Tài liệu tập huấn kỹ thuật điều tra rừng (Quyết định số 689/QĐ-TCLN-KL ngày 23/12/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp) ; UNDP (2023), Phương pháp đo đếm, tính toán trữ</p>	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			

			lượng các-bon rừng ngập mặn tại Việt Nam.						
35.		Mẫu tiêu bản gỗ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới 1. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2015), Bộ quy trình thu thập mẫu sinh vật, địa chất và thổ nhưỡng; 2. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2020), Bộ quy trình thu thập mẫu vật trong hệ thống bảo tàng thiên nhiên; 3. Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (2015), Hướng dẫn tạm thời kỹ thuật thu thập và xử lý bảo quản tiêu bản;	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	2025	2026			
36.		Chế phẩm bảo quản gỗ - Hướng dẫn chung về lấy mẫu và chuẩn bị cho phân tích chế phẩm bảo quản gỗ và gỗ đã được xử lý bảo quản	Xây dựng mới 1. <i>BS EN 212 - Hướng dẫn chung về lấy mẫu và chuẩn bị mẫu cho phân tích chất bảo quản gỗ và gỗ đã được xử lý (BS EN 212 Wood preservatives - General guidance on sampling and preparation for analysis of wood preservatives and treated timber).</i> 2. Tuyển tập các công trình nghiên cứu Bảo quản Lâm sản; NXB	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2025	2026			

			<p>Thông kê 2006.</p> <p>3. Bảo quản Lâm sản; nhà xuất bản nông nghiệp; Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Thanh, Lê Văn Nông (2006).</p>						
37.		<p>Composite gỗ nhựa - Phân loại và phân cấp chất lượng TCVN 13649-2023 Composite gỗ nhựa - Phương pháp thử tính chất cơ học và vật lý được xây dựng trên cơ sở tham khảo ASTM D70331</p>	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. LY/T 3274-2021 Phân loại và phân cấp composite gỗ-nhựa (<i>Classification and grade of wood-plastic composites</i>).</p> <p>2. Ván composite gỗ nhựa dùng ngoài thất (<i>LY/T Wood-plastic composites for outdoor use</i>);</p> <p>3. Ván composite gỗ nhựa dùng cho kiến trúc (<i>GB/T Wood-plastic composites for concrete-form</i>);</p>	<p>Trường Đại học Lâm nghiệp</p>	2025	2026			
<b>Kiểm lâm</b>									
38.		<p>Sai số trong theo dõi diễn biến rừng</p>	<p>Xây dựng mới</p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Hướng dẫn điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015.</p> <p>2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014. Quy định nghiệm thu thành quả dự án “Tổng điều tra, kiểm kê</p>	<p>Viện Điều tra Quy hoạch rừng</p>	2025	2026			

			rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016". 3. Tổng cục Lâm nghiệp, 2013. Tài liệu tập huấn hướng dẫn kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng.						
39.		Phân loại cháy rừng	Xây dựng mới 1. Bế Minh Châu (2012). Quản lý rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Phạm Ngọc Hưng (2004). Quản lý cháy rừng ở Việt Nam. NXB Nghệ An.	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
40.		An toàn phòng, chữa cháy rừng	Xây dựng mới 1. Bế Minh Châu (2012). Quản lý rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Phạm Ngọc Hưng (2004). Quản lý cháy rừng ở Việt Nam. NXB Nghệ An.	Trường Đại học Lâm nghiệp	2025	2026			
41.		Sai số về diện tích, trữ lượng trong điều tra rừng	Xây dựng mới 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Hướng dẫn điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015. 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014. Quy định nghiệm thu thành quả dự án "Tổng điều tra, kiểm kê	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	2025	2026			

			<p>rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016”.</p> <p>3. Tổng cục Lâm nghiệp, 2013. Tài liệu tập huấn hướng dẫn kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng.</p> <p>4. Tổng cục Lâm nghiệp, 2014. Chỉ số sinh thái và hướng dẫn kỹ thuật theo dõi diễn biến sinh thái rừng tại các ô định vị sinh thái rừng quốc gia.</p> <p>5. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng, 2023. Quy trình đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) điều tra thu thập số liệu hiện trường thuộc Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia giai đoạn 2022-2025.</p>						
<b>Máy và thiết bị nông nghiệp</b>									
42.		Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 17: Máy thu hoạch củ	Xây dựng mới ISO 4254-17:2022 Agricultural machinery - Safety - Part 17: Root crop harvesters.	Viện Cơ điện Nông nghiệp và CNSTH	2025	2026			
43.		Máy nông nghiệp - An toàn - Phần 11: Máy đóng kiện	Xây dựng mới ISO 4254-11:2010 Agricultural machinery -	Viện Cơ điện Nông nghiệp và CNSTH	2025	2026			

			Safety - Part 11: Pick-up balers						
<b>IV. <u>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</u></b>									
<b>Khí tượng thủy văn</b>									
44.		Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 9: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm phao biển	Xây dựng mới	Trung tâm Hải văn, Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2025	2026			
<b>Điều tra đánh giá và thăm dò khoáng sản</b>									
45.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 1: Yêu cầu chung	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
46.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 2: Phương pháp đo	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
47.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 3: Các phép hiệu chỉnh khi đo trọng lực biển	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
48.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 4: Phương pháp thành lập mạng lưới điểm tựa, mạng lưới điểm đo	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
49.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 5: Phương pháp	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			

		tính và hiệu chỉnh dị thường trọng lực Fai							
50.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 6: Phương pháp tính và hiệu chỉnh dị thường trọng lực Bughe	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
51.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 7: Phương pháp xử lý, tính toán số liệu trọng lực biển	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
52.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 8: Phương pháp thành lập bản đồ trường trọng lực trên biển	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
53.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 9: Phương pháp xử lý, phân tích địa chất theo tài liệu trọng lực	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
54.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo trọng lực biển theo tàu - Phần 10: Lập bản đồ địa chất kết quả trọng lực	Xây dựng mới/ Kỹ thuật đo trọng lực chi tiết Thông tư số 08/2012/TT - BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
55.		Đất đá quặng - Xác định hàm lượng Platin, Paradi, Iridi, Osmi - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP-MS	Xây dựng mới/ TCCS 01/2012 ICP- MS	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
56.		Đất đá quặng - Xác định hàm lượng Gali, Indi, Tali, Germani	Xây dựng mới/ TCCS 02/2012 ICP- MS	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			

		-Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP - MS							
57.		Đất đá quặng - Xác định hàm lượng Berili, Liti - Phương pháp khối phổ cảm ứng ICP - MS	Xây dựng mới/ TCCS 03/2012 ICP- MS	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
58.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 1: Yêu cầu chung	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
59.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật thi công	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
60.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 3: Phương pháp khoan xoay cơ khí khoan thẳng đứng	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
61.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 4: Phương pháp	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			

		khoan xoay cơ khí khoan năm ngang	ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)						
62.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 5: Phương pháp khoan xoay cơ khí khoan xiên	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
63.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Khoan máy trong đất liền - Phần 6: Phương pháp khoan xoay cơ khí lấy mẫu bằng công nghệ cấp luân	Xây dựng mới (Quy định kỹ thuật khoan địa chất/TT47/2015-BTNMT ngày 05/11/2015; Kỹ thuật khoan địa chất - NXBCNKT 1980; Thiết bị khoan thăm dò - Trường ĐHMĐC 2002)	Văn phòng Cục, Cục Địa chất Việt Nam	2025	2026			
<b>Bản đồ điều tra đất đai</b>									
64.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 3: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ tiềm năng đất đai	Xây dựng mới Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			

65.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 4: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị ô nhiễm	Xây dựng mới Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
66.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 5: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị suy giảm độ phì	Xây dựng mới Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
67.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 6: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị mặn hoá, phèn hoá	Xây dựng mới Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			
68.		Bản đồ điều tra, đánh giá đất đai - Phần 7: Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ đất bị xói mòn do mưa; đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa; đất bị kết von, đá ong hóa	Xây dựng mới Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất, Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	2025	2026			

V. <u>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</u>										
69.		Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần x: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường cao su hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mới</li> <li>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</li> <li>+ “Quy định tạm thời về thiết kế, thi công và nghiệm thu lớp bê tông nhựa bê tông nhựa sử dụng nhựa đường cao su hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT</li> <li>+ TCVN 13567-1:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;</li> <li>+ TCVN 13567-2:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polime;</li> <li>+ TCVN 8820:2011 Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall.</li> <li>+ Asphalt Hot-Mix Recycling. The Asphalt</li> </ul>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026				

			Institute. Manual Series No.20.						
70.		Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	<p>- Sửa đổi bổ sung TCVN8820:2011, Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall; Tham khảo các tài liệu: + TCVN 13567-1:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường; + TCVN 13567-2:2022, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polime; + Quyết định số 858/QĐ- BGTVT “Hướng dẫn áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành nhằm tăng cường quản lý chất lượng thiết kế và thi công mặt đường BTN nóng đối với các tuyến đường ô tô có quy mô lớn”; + Asphalt Mix Design method. The Asphalt</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			Institute. Manual Series No.2.						
71.		Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa	- Sửa đổi bổ sung TCVN 12884:2020	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
72.		Đất, cốt liệu - Phương pháp thử xác định mô đun đàn hồi Mr trong phòng thí nghiệm	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: AASHTO T307, Standard Method of Test for Determining the Resilient Modulus of Soils and Aggregate Materials.	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
73.		Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phễu rót cát	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: AASHTO T 191, 2014 Edition, Standard Method of Test for Density of Soil InPlace by the Sand-Cone Method	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
74.		Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Xác định hệ số thấm của đất rời bằng phương pháp cột nước không đổi	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D 2434 Standard Test Method for Permeability of Granular Soil (Constant Head)	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
75.		Phương pháp thử xác định khối lượng thể tích của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp thay cát trong hố đào	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D4914/D4914M (phiên bản mới nhất năm	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			2016) - Standard Test Methods for Density of Soil and Rock in Place by the Sand Replacement Method in a Test Pit.						
76.		Phương pháp thử xác định khối lượng thể tích của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp thay nước trong hố đào	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: ASTM D5030-04, Standard Test Method for Density of Soil and Rock in Place by the Water Replacement Method in a Test Pit	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
77.		Cọc thép - Phương pháp chống ăn mòn - Yêu cầu và nguyên tắc lựa chọn	Sửa đổi bổ sung TCVN 11197:2015	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
78.		Giá long môn, cột cần vươn trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 1: Yêu cầu chung	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design. + Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			Signals, First Edition (2015), Division I: Design.						
79.		Giá long môn, cột cần vươn trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 2: Tải trọng và phương pháp phân tích thiết kế	<p>Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
80.		Giá long môn, cột cần vươn trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 3: Kết cấu thép	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng:</p> <p>+ Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.						
81.		Giá long môn, cột cần vượn trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 4: Kết cấu nhôm	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design. + Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			
82.		Giá long môn, cột cần vượn trong công trình đường bộ - Thiết kế - Phần 5: Một số loại kết cấu khác	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: + Tiêu chuẩn LRFD Structural Supports for	Viện KH&CN GTVT	2025	2026			

			<p>Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p> <p>+ Hướng dẫn và thông tin sửa đổi tạm thời năm 2022 đối với Tiêu chuẩn: LRFD Structural Supports for Highway Signs, Luminaires, and Traffic Signals, First Edition (2015), Division I: Design.</p>						
83.		Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuàn đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 16:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường cao tốc VN	2025	2026			
84.		Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 17:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường cao tốc VN	2025	2026			
85.		Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	<p>- Sửa đổi bổ sung</p> <p>TCVN 7887:2018</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
86.		Sửa chữa mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối - Thi công và nghiệm thu	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 12:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
87.		Thi công trên đường đang khai thác - Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ	<p>- Xây dựng mới</p> <p>- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 14:2016/TCĐBVN</p>	Cục Đường bộ VN	2025	2026			

88.		Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vãi địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	- Sửa đổi bổ sung TCVN 9844:2013	Cục Đường bộ VN	2025	2026			
89.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 1: Các định nghĩa	Chấp nhận BS EN 13232-1	Cục ĐSVN	2025	2026			
90.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 2: Yêu cầu về thiết kế kích thước hình học	Chấp nhận BS EN 13232-2	Cục ĐSVN	2025	2026			
91.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 3: Yêu cầu về tương tác giữa bánh xe và ray	Chấp nhận BS EN 13232-3	Cục ĐSVN	2025	2026			
92.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 4: Vận hành - Khóa hãm - Kiểm tra	Chấp nhận BS EN 13232-4	Cục ĐSVN	2025	2026			
93.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 5: Lưỡi ghi	Chấp nhận BS EN 13232-5	Cục ĐSVN	2025	2026			
94.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 6: Tâm ghi thông thường cố định và tâm ghi góc tù	Chấp nhận BS EN 13232-6	Cục ĐSVN	2025	2026			
95.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 7: Tâm ghi có bộ phận di động	Chấp nhận BS EN 13232-7	Cục ĐSVN	2025	2026			
96.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 8: Thiết bị co giãn	Chấp nhận BS EN 13232-8	Cục ĐSVN	2025	2026			
97.		Đường ray - Thiết kế ghi và giao cắt - Phần 9: Bản vẽ thiết kế	Chấp nhận BS EN 13232-9	Cục ĐSVN	2025	2026			
98.		Ứng dụng đường sắt - Kết cấu hạ tầng - Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy - Phần 5: Kiểm tra không phá hủy các mối hàn ray	Chấp nhận BS EN 16729-5	Cục ĐSVN	2025	2026			

99.	Ứng dụng đường sắt - Cơ sở hạ tầng - Thông số thiết kế tuyến cho đường sắt đô thị	Chấp nhận BS EN 17636	Trường ĐHCN GTVT	2025	2026			
100.	Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 1: Quy định chung - Quy tắc chung cho cơ sở hạ tầng và đầu máy toa xe	Chấp nhận BS EN 15273-1:2013	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
101.	Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 2: Khổ giới hạn đầu máy toa xe	Chấp nhận BS EN 15273-2:2013	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
102.	Ứng dụng đường sắt - Khổ giới hạn - Phần 3: Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc	Chấp nhận BS EN 15273-3:2013	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
103.	Ứng dụng Đường sắt - Bộ biến đổi điện được lắp đặt trên phương tiện đường sắt - Phần 1: Đặc tính kỹ thuật và phương pháp thử	Chấp nhận IEC 61287-1:2014	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
104.	Ứng dụng Đường sắt - Bộ biến đổi điện được lắp đặt trên phương tiện đường sắt - Phần 2: Thông tin kỹ thuật bổ sung	Chấp nhận IEC 61287-2:2001	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
105.	Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 1: Các nguyên tắc hệ thống và khái niệm cơ bản	- Chấp nhận IEC 62290-1:2014. - Tài liệu tham khảo: EN 62290-1:2014, PrEN IEC 62990-1:2023.	Cục ĐSVN	2025	2026			
106.	Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 2: Chỉ dẫn kỹ thuật yêu cầu chức năng	Chấp nhận IEC 62290-2:2014 - Tài liệu tham khảo: EN 62290-2:2014.	Cục ĐSVN	2025	2026			

107.	Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống quản lý và điều khiển/điều hành giao thông đường sắt đô thị - Phần 3: Chỉ dẫn kỹ thuật yêu cầu hệ thống	- Chấp nhận IEC 62290-3:2020 - Tài liệu tham khảo: EN 62290-3:2020,	Cục ĐSVN	2025	2026			
108.	Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 1: Thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt	Chấp nhận IEC 62498-1:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
109.	Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 2: Thiết bị điện trong các hệ thống lắp đặt cố định	Chấp nhận IEC 62498-2:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
110.	Ứng dụng Đường sắt - Điều kiện môi trường đối với thiết bị - Phần 3: Thiết bị điện trong các hệ thống thông tin và tín hiệu	Chấp nhận IEC 62498-3:2010	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
111.	Ứng dụng đường sắt - Lắp đặt cố định - Điện kéo - Dây tiếp xúc dạng rãnh bằng đồng và hợp kim đồng	Chấp nhận IEC 62917:2016	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
112.	Ứng dụng đường sắt - Lắp đặt cố định - Phần 7 Thiết bị đóng cắt điện một chiều	Chấp nhận IEC 61992 (7-1; 7-2; 7-3):2006	Viện KHCN GTVT	2025	2026			
113.	Ứng dụng đường sắt - Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật - Các yêu cầu chung - Phần 1: Độ tương phản	Chấp nhận BS EN 16584-1:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			
114.	Ứng dụng đường sắt - Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật - Các yêu cầu chung - Phần 2: Thông tin	Chấp nhận BS EN 16584-2:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			

115.		Ứng dụng đường sắt - Thiết kế sử dụng thuận tiện cho người khuyết tật - Các yêu cầu chung - Phần 3: Đặc trưng quang học và ma sát	Chấp nhận BS EN 16584-3:2017	Cục ĐSVN	2025	2026			
116.		Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành đền biển	Sửa đổi, bổ sung TCVN 10703: 2015	Cục HHVN	2025	2026			
117.		Yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải	Sửa đổi, bổ sung TCVN 10704: 2015	Cục HHVN	2025	2026			
118.		Tải trọng và tác động do sóng và do tàu lên công trình đường thủy nội địa	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCN 222:95; Kết quả nghiên cứu đề tài năm 2024 - Tài liệu tham khảo: SP.38.13330.2018 (Nga)	Cục ĐTNĐ VN	2025	2026			
119.		Công trình đường thủy, hàng hải - Tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình	- Xây dựng mới - Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 01:2022/CĐTNĐVN; kết quả nghiên cứu đề tài năm 2024 - Tài liệu tham khảo: TCVN 8477.2018; JSG2015	Cục ĐTNĐ VN	2025	2026			
120.		Quy định kỹ thuật về khai thác công trình cảng biển	Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng: TCCS 03:2010/CHHVN - Tài liệu tham khảo:	Cục HHVN	2025	2026			

			PĐ 31.35.10-86; 109/QĐ-CHHVN; 04/CHHVN-BCB; OCDI 2020; PIANC-Report no. 103-2008						
<b>VI. <u>BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</u></b>									
<b>An toàn thông tin</b>									
121.		An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 1:Giới thiệu và mô hình chung	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-1:2022 và Bản sửa Lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
122.		An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 2: Các thành phần chức năng an toàn	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-2: 2022	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
123.		An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 3: Các thành phần đảm bảo an toàn	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-3:2022 và bản sửa Lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			

124.		An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 4: Khung đặc tả các phương pháp và hoạt động đánh giá	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-4:2022	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
125.		An toàn thông tin, an toàn mạng và bảo vệ tính riêng tư - Tiêu chí đánh giá về an toàn thông tin - Phần 5: Các gói yêu cầu an toàn được định nghĩa trước.	Xây dựng mới dựa trên ISO/IEC 15408-5:2022 và bản sửa lỗi và Giải thích (Errata and Interpretation for CC:2022 (Release 1) and CEM:2022 (Release 1)) của Ban bảo trì tiêu chí chung thuộc tổ chức CCRA được ban hành ngày 01/02/2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	2026			
<b>VII. <u>BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</u></b>									
<b>Di sản văn hoá</b>									
126.		Bảo tồn di sản văn hóa - Các nguyên tắc đóng gói vận chuyển (Conservation of cultural heritage - Packing principles for transport)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 16853:2017	Cục Di sản văn hoá	2025	2026			

Điện ảnh									
127.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 1: Đặc tính hình ảnh (Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 1: Image characteristics)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-1:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
128.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 2: Đặc tính âm thanh (Digital cinema (Dcinema) distribution master - Part 2: Audio characteristics)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-2:2008	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
129.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 9: Cấu trúc điểm ảnh mức 3: Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp (Digital cinema (D-cinema) distribution master - Part 9: Image pixel structure level 3)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-9:2009	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
130.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 11: Tốc độ hình bổ sung (Digital cinema (D cinema) distribution master - Part 11: Additional frame rates)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-11:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			
131.		Bản gốc phân phối điện ảnh kỹ thuật số - Phần 19: Định dạng tín hiệu giao diện kỹ thuật số nối tiếp cho tốc độ hình bổ sung mức AFR2 và mức AFR4 (Digital cinema (D-cinema) distribution)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 26428-19:2011	Viện phim Việt Nam	2025	2026			

		master - Part 19: Serial digital interface signal formatting for additional frame rates level AFR2 and level AFR4)							
<b>Thể dục thể thao</b>									
132.		Dịch vụ lặn giải trí - Yêu cầu đào tạo thợ lặn có thiết bị thở chu trình kín - Lặn không giảm áp (Recreational diving services - Requirements for rebreather diver training - No decompression diving)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 24804:2022	Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng	2025	2026			
<b>Du lịch</b>									
133.		Khách sạn - Xếp hạng (Hotel - Classification)	Soát xét TCVN 4391:2015 - Luật Du lịch 2017. - Các tiêu chuẩn, quy định của ngành xây dựng và các ngành liên quan: TCVN 5605:1990 Khách sạn – Tiêu chuẩn thiết kế. ISO 22483:2020 Tourism and related services - Hotels - Service requirements. Tiêu chuẩn tập đoàn Accor cho thương hiệu	Phòng Quản lý cơ sở lưu trú - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	2025	2026			

			Ibis, Novotel và Pullman. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam						
134.		Du lịch và các dịch vụ liên quan - Du lịch bền vững - Nguyên tắc, từ vựng và mô hình (Tourism and related services - Sustainable tourism - Principles, vocabulary and model)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 23405:2022	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			
135.		Du lịch mạo hiểm - Thực hành tốt để phát triển bền vững - Các yêu cầu và khuyến nghị (Adventure tourism - Good practices for sustainability - Requirements and recommendation)	Xây dựng mới, trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương ISO 20611:2018	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2025	2026			
<b>VIII. <u>BỘ Y TẾ</u></b>									
<b>Dược</b>									
136.		Bộ TCVN XI-1 Phương pháp kiểm nghiệm thuốc 1. Phụ lục 11.11 Đánh giá khí động học các tiểu phân của thuốc hít	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Anh BP2024 Dược điển Mỹ USP 2024	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

		2. Phụ lục 11.12 Xác định đặc tính của thuốc hít sử dụng thiết bị khí dung 3. Phụ lục 12.25 Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao (HPTLC) dùng trong định tính dược liệu, cao dược liệu và tinh dầu							
137.		Bộ TCVN XI-2 Nguyên liệu hóa dược 1. Acid ursodeoxycholic 2. Baclofen 3. Etodolac 4. Heparin natri 5. Isotretinoin 6. Nevirapin 7. Phenylephrin hydroclorid 8. Pregabalin 9. Tazobactam	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Mỹ-USP2024, Dược điển Anh BP2024, Dược điển Ấn độ IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
138.		Bộ TCVN XI-3 Thành phẩm hóa dược 1. Bột pha tiêm piperacilin + tazobactam 2. Nang mềm isotretionin 3. Viên nén acid ursodeoxycholic 4. Viên nén baclofen 5. Viên nén etodolac	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo Dược điển Mỹ-USP2024, Dược điển Anh BP2024, Dược điển Ấn độ IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
139.		Bộ TCVN XI-4 Dược liệu 1. Bạch chi thái phiến 2. Bạch thực sao vàng 3. Bạch thực tằm dằm 4. Bạch thực tằm rượ 5. Bạch thực thái phiến	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn dược liệu thô, dược điển Trung quốc-CP2020 và ISO 23964:2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

	<p>6. Bạch truyệt sao cảm  7. Bạch truyệt thái phiến  8. Cát sâm thái phiến  9. Đan sâm tâm rượu  10. Đan sâm thái phiến  11. Đẳng sâm sao gạo  12. Đẳng sâm thái phiến  13. Đinh lăng (Thân và rễ)  14. Độc hoạt thái phiến  15. Đương quy tâm rượu  16. Đương quy thái phiến  17. Khương hoạt thái phiến  18. Lá tùng lam cắt đoạn  19. Mã tiền sao cát  20. Mã tiền tâm dầu vừng  21. Mã tiền tâm nước đậu đen  22. Ngọc nữ trắng (Lá)  23. Phòng phong thái phiến  24. Rễ đinh lăng thái phiến  25. Rễ tùng lam thái phiến  26. Thổ bôi mẫu (Thân rễ)  27. Triết bôi mẫu (Thân hành)  28. Triết bôi mẫu thái phiến  29. Tùng lam (Lá)  30. Tùng lam (Rễ)  31. Xích thược thái phiến  32. Xuyên khung tâm rượu  33. Xuyên khung thái phiến  34. Xuyên mộc thông (thân)  35. Xuyên mộc thông thái phiến  36. Cao khô actiso</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

140.	<p>Bộ TCVN XI-5 Vắc xin và Sinh phẩm Y tế</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bacillus clausii</li> <li>2. Bacillus coagulans</li> <li>3. Nang Bacillus coagulans</li> <li>4. Bifidobacterium longum subsp. Infantis</li> <li>5. Bifidobacterium longum subsp. Longum</li> <li>6. Lacticaseibacillus casei</li> <li>7. Lacticaseibacillus paracasei</li> <li>8. Lactobacillus acidophilus</li> <li>9. Lactobacillus rhamnosus</li> <li>10. Vắc xin phối hợp sởi và Rubella</li> </ol>	<p>Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo dược điển Châu Âu-EP 10, WHO và TC NSX Polyvac</p>	<p>Hội đồng Dược điển Việt Nam</p>	2025	2026			
141.	<p>Bộ Sửa đổi 2 TCVN I-1:2017</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phụ lục 1.26 Yêu cầu chung đối với chế phẩm Probiotics</li> <li>2. Phụ lục 12.11 Xác định tạp chất lẫn trong dược liệu</li> <li>3. Phụ lục 12.20 Phương pháp chế biến đông dược</li> <li>4. Phụ lục 13.6 Thử giới hạn nhiễm khuẩn</li> <li>5. Phụ lục 15.43 Kiểm tra công hiệu (in vivo) của vắc xin viêm gan B tái tổ hợp</li> </ol>	<p>Soát xét TCVN I-1:2017</p>	<p>Hội đồng Dược điển Việt Nam</p>	2025	2026			
142.	<p>Bộ Sửa đổi 3 TCVN I-1:2017</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quy định chung của Dược điển Việt Nam</li> <li>2. Phụ lục 1.1 Cao thuốc</li> </ol>	<p>Soát xét TCVN I-1:2017</p>	<p>Hội đồng Dược điển Việt Nam</p>	2025	2026			

	<p>3. Phụ lục 1.10 Thuốc đặt 4. Phụ lục 1.12 Thuốc mềm dùng trên da và niêm mạc 5. Phụ lục 1.14 Thuốc dùng tại mắt 6. Phụ lục 1.15 Thuốc dùng tại mũi 7. Phụ lục 1.16 Thuốc dung tại tai 8. Phụ lục 1.17 Thuốc hít 9. Phụ lục 2.1 Các thuốc thử chung 10. Phụ lục 2.2 Các dung dịch chuẩn độ 11. Phụ lục 2.3 Các dung dịch đệm 12. Phụ lục 4.2 Phương pháp quang phổ hồng ngoại 13. Phụ lục 5. Các kỹ thuật tách sắc ký 14. Phụ lục 10.3 Định lượng nước 15. Phụ lục 10.12 Xác định hàm lượng ethanol 16. Phụ lục 10.13 Xác định hàm lượng methanol và propan- 2-ol 17. Phụ lục 10.14 Xác định dung môi tồn dư 18. Phụ lục 11.1 Giới hạn cho phép về thể tích của các dạng thuốc lỏng 19. Phụ lục 11.2 Phép thử độ đồng đều hàm lượng</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p>20. Phụ lục 11.3 Phép thử độ đồng đều khối lượng</p> <p>21. Phụ lục 11.8 Xác định giới hạn tiêu phân</p> <p>22. Phụ lục 12.2. Những qui định chung về kiểm tra chất lượng dược liệu</p> <p>23. Phụ lục 14: Hướng dẫn đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học <i>in vivo</i> thuốc generic</p>							
143.	<p>Bộ Sửa đổi 1 TCVN I-4:2017</p> <p>1. Cát sâm (Rễ)</p> <p>2. Xuyên bối mẫu (Thân hành)</p> <p>3. Phòng phong (Rễ)</p> <p>4. Đan sâm (Rễ và thân rễ)</p> <p>5. Độc hoạt (Rễ)</p> <p>6. Bạch chỉ (Rễ)</p> <p>7. Bạch thược (Rễ)</p> <p>8. Bạch truật (Thân rễ)</p> <p>9. Đảng sâm (Rễ)</p> <p>10. Đương quy (Rễ)</p> <p>11. Xuyên khung (Thân rễ)</p> <p>12. Khương hoạt (Thân rễ và rễ)</p> <p>13. Xích thược (Rễ)</p> <p>14. Chè dây (Lá)</p> <p>15. Dạ cẩm</p> <p>16. Khôi (Lá)</p> <p>17. Lá hen</p> <p>18. Bìm bìm (hạt)</p> <p>19. Đinh lăng (rễ)</p> <p>20. Mã tiền (hạt)</p>	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

144.		Bộ Sửa đổi 1 TCVN I-5:2017 1. Vắc xin phòng Papilloma virus ở người (tái tổ hợp) 2. Vắc xin bại liệt nhị liên uống	Soát xét TCVN I-5:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
145.		Bộ Sửa đổi 2 TCVN I-3:2017 Viên nén nifedipin	Soát xét TCVN I-3:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
146.		Bộ Sửa đổi 2 TCVN IV:2015 Phụ lục 10.20 Xác định các chất bảo quản kháng khuẩn	Soát xét TCVN IV:2015	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
147.		Bộ Sửa đổi 2 TCVN V:2017 1. Phụ lục 10.22 Định lượng vitamin D 2. Polymycin B sulfat	Soát xét TCVN V:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
148.		Bộ Sửa đổi 2 TCVN VI:2017 Felodipin	Soát xét TCVN VI:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
149.		Bộ TCVN XII-2 Nguyên liệu hóa dược 1. Candesartan cilexetin 2. Doxazosin mesilat 3. Etoricoxib 4. Ezetimib 5. Fluticason propionat 6. Glycin 7. Heparin 8. Sitagliptin phosphat 9. Tazobactam natri	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo - Dược điển Mỹ-USP2024 - Dược điển Anh BP2024 - Dược điển Nhật JP18 - Dược điển Ấn độ IP2022	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			
150.		Bộ TCVN XII-3 Thành phẩm hóa dược	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2025	2026			

		1. Nang pregabalin 2. Thuốc tiêm heparin 3. Viên nén candesartan 4. Viên nén doxazosin 5. Viên nén etoricoxib 6. Viên nén ezetimib 7. Viên nén sitagliptin	- Dược điển Mỹ- USP2024 - Dược điển Anh BP2024 - Dược điển Nhật JP18 - Dược điển Ấn độ IP2022							
<b>Thiết bị y tế</b>										
151.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 1: Từ vựng	Chấp nhận ISO 11979-1:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				
152.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 2: Tính chất quang học và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 11979-2:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				
153.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 3: Tính chất cơ học và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 11979-3:2012	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				
154.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 4: Ghi nhãn và thông tin	Chấp nhận ISO 11979-4:2008	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				
155.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 5: Khả năng tương thích sinh học	Chấp nhận ISO 11979-5:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				
156.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 6: Thử nghiệm độ ổn định khi vận chuyển và thời hạn sử dụng	Chấp nhận ISO 11979-6:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026				

157.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 7: Nghiên cứu lâm sàng về thấu kính nội nhãn để điều chỉnh chứng mất thể thủy tinh	Chấp nhận ISO 11979-7:2024	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
158.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 8: Yêu cầu cơ bản	Chấp nhận ISO 11979-8:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
159.		Cây ghép nhãn khoa - Thấu kính nội nhãn - Phần 10: Nghiên cứu lâm sàng về thấu kính nội nhãn để điều chỉnh tật viễn thị ở mắt phakic	Chấp nhận ISO 11979-10:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
160.		Cây ghép nhãn khoa - Thiết bị phẫu thuật nhãn khoa	Chấp nhận ISO 15798:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
161.		Cây ghép tim mạch - Thiết bị nội mạch - Phần 1: Bộ phận giả nội mạch	Chấp nhận ISO 25539-1:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
162.		Cây ghép tim mạch - Thiết bị nội mạch - Phần 2: Stent mạch máu	Chấp nhận ISO 25539-2:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
163.		Cây ghép tim mạch - Thiết bị nội mạch - Phần 3: Bộ lọc tĩnh mạch chủ	Chấp nhận ISO 25539-3:2011	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
164.		Cây ghép tim mạch - Thiết bị nội mạch - Phần 4: Áp dụng ISO 17327-1 cho các thiết bị nội mạch được phủ	Chấp nhận ISO 25539-4:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
165.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và sử dụng một lần - Phần 1: Yêu cầu chung	Sửa đổi bổ sung TCVN 7609-1:2007 Chấp nhận ISO 10555-1:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

166.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông dùng một lần - Phần 3: Ống thông tĩnh mạch trung tâm	Sửa đổi bổ sung TCVN 7609-3:2007 Chấp nhận ISO 10555-3:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
167.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần - Phần 4: Ống thông nong bóng	Sửa đổi bổ sung TCVN 7609-3:2007 Chấp nhận ISO 10555-4:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
168.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần - Phần 5: Ống thông ngoại vi qua kim	Sửa đổi bổ sung TCVN 7609-5:2007 Chấp nhận ISO 10555-5:2013	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
169.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và sử dụng một lần - Phần 6: Cổng cấy dưới da	Chấp nhận ISO 10555-6:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
170.		Ống thông nội mạch - Ống thông vô trùng và ống thông sử dụng một lần - Phần 7: Ống thông trung tâm được cắm ngoại vi	Chấp nhận ISO 10555-7:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
171.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 2: Nắp đậy cho chai truyền dịch	Sửa đổi bổ sung TCVN 6591-2:2008 Chấp nhận ISO 8536-2:2023	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
172.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 5: Bộ truyền dịch Burette dùng một lần, cấp liệu bằng trọng lực	Sửa đổi bổ sung TCVN 6591-2:2008 Chấp nhận ISO 8536-5:2004	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
173.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 6: Đóng đông khô cho chai dịch truyền	Chấp nhận ISO 8536-6:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

174.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 7: Nắp kết hợp nhôm-nhựa cho chai dịch truyền	Chấp nhận ISO 8536-7:2009	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
175.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 8: Bộ truyền dịch dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-8:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
176.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 9: Đường dẫn chất lỏng dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-9:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
177.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 10: Phụ kiện cho dòng chất lỏng sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-10:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
178.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 11: Bộ lọc truyền dịch dùng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-11:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
179.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 12: Van một chiều dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-12:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
180.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 13: Bộ điều chỉnh lưu lượng chia độ dùng một lần có tiếp xúc với chất lỏng	Chấp nhận ISO 8536-13:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
181.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 14: Kẹp và bộ điều chỉnh dòng chảy cho thiết bị truyền máu và truyền dịch không tiếp xúc với chất lỏng	Chấp nhận ISO 8536-14:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

182.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 15: Bộ truyền dịch chống ánh sáng dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-15:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
183.		Ống tiêm dưới da vô trùng dùng một lần - Phần 1: Ống tiêm sử dụng thủ công	Sửa đổi bổ sung TCVN 5903:1995 Chấp nhận ISO 7886-1:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
184.		Ống tiêm dưới da vô trùng dùng một lần - Phần 2: Ống tiêm dùng với máy bơm chạy bằng điện	Chấp nhận ISO 7886-2:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
185.		Hộp đựng dùng một lần để lấy mẫu máu tĩnh mạch của con người	Sửa đổi bổ sung TCVN 7612:2007 Chấp nhận ISO 6710:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
186.		Dụng cụ dẫn lưu, nong và dây dẫn nội mạch vô trùng dùng một lần	Chấp nhận ISO 11070:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
187.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 1: Hệ thống tiêm bằng kim	Sửa đổi bổ sung TCVN 13404-1:2021 Chấp nhận ISO 11608-1:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
188.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 2: Kim tiêm	Sửa đổi bổ sung TCVN 13404-2:2021 Chấp nhận ISO 11608-2:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
189.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 3: Các thùng chứa và đường dẫn chất lỏng tích hợp	Sửa đổi bổ sung TCVN 13404-3:2021 Chấp nhận ISO 11608-3:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
190.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương	Sửa đổi bổ sung TCVN 13404-4:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			

		pháp thử - Phần 4: Bút tiêm điện tử	Chấp nhận ISO 11608-4:2022						
191.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 5: Các chức năng tự động	Sửa đổi bổ sung TCVN 13404-5:2021 Chấp nhận ISO 11608-5:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
192.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 6: Hệ thống cung cấp trên cơ thể	Chấp nhận ISO 11608-6:2022	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
193.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 7: Hệ thống cung cấp trên cơ thể	Chấp nhận ISO 11608-7:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
194.		Ổng thông niệu đạo vô trùng dùng một lần	Chấp nhận ISO 20696:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2025	2026			
<b>IX. <u>BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ</u></b>									
<b>Công nghệ thông tin</b>									
195.		An toàn thông tin - Quản lý khóa - Phần 5: Quản lý khóa theo nhóm	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 11770-5:2020 Information security - Key management - Part 5: Group key management	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			

196.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Khung quản lý định danh - Phần 3: Thực hành	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 24760-3:2016 Information technology - Security techniques - A framework for identity management - Part 3: Practice	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
197.		An ninh mạng - Bảo mật và quyền riêng tư IoT - Nguyên tắc	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27400:2022 Cybersecurity - IoT security and privacy - Guidelines	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
198.		An ninh mạng - Bảo mật và quyền riêng tư IoT - Yêu cầu cơ bản về thiết bị	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27402:2023 Cybersecurity - IoT security and privacy - Device baseline requirements	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
199.		Dịch vụ tài chính - Bảo mật thông tin cho PKI trong triển khai blockchain và DLT	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/TR 24374:2023 Financial services - Security information for PKI in blockchain and DLT implementations	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
200.		Công nghệ Blockchain và sổ cái phân tán - Kiến trúc tham chiếu	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO 23257:2022: "Blockchain	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			

			and distributed ledger technologies - Reference architecture”						
201.		Công nghệ Blockchain và sổ cái phân tán - Từ vựng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO 22739:2024: “Blockchain and distributed ledger technologies - Vocabulary”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
202.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - An toàn trong lưu trữ	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27040:2024 “Information technology - Security techniques - Storage security”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
203.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Khung bảo mật	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 29100:2024 Information technology - Security techniques - Privacy framework	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
204.		Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn - Các phương kiểm thử để giảm thiểu các lớp tấn công không xâm lấn cho các mô-đun mật mã	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17825:2024 Information technology - Security techniques - Testing methods for the mitigation of non-invasive	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			

			attack classes against cryptographic modules						
205.		An toàn thông tin - Yêu cầu an toàn, phương pháp kiểm thử và đánh giá trong phân phối khóa lượng tử - Phần 1: Các yêu cầu	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 23837-1:2023: “Information security - Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Part 1: Requirements”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
206.		An toàn thông tin - Yêu cầu an toàn, phương pháp kiểm thử và đánh giá trong phân phối khóa lượng tử - Phần 2: Phương pháp kiểm thử và đánh giá	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 23837-2:2023: “Information security - Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Part 2: Evaluation and testing methods”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2025	2026			
<b>X. <u>BỘ XÂY DỰNG</u></b>									
<b>Vật liệu xây dựng</b>									
207.		Bê tông - Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén của bê tông trên kết cấu công trình và cấu kiện đúc sẵn	Tham khảo - TCXDVN 239:2006 Bê tông nặng. Chỉ dẫn đánh giá cường độ Bê tông trên kết cấu công trình	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tại hiện trường

			- Các tiêu chuẩn LB Nga liên quan						
208.		Bê tông - Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén	Soát xét TCVN 10303:2014; - ГОСТ 18105-2018 "Бетоны. Правила контроля и оценки прочности" (GOST 18105 "Bê tông. Kiểm tra và đánh giá cường độ chịu nén")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Trong phòng thí nghiệm
209.		Bê tông - Yêu cầu kỹ thuật	- Tham khảo ГОСТ 26633-2015 "Бетоны тяжелые и мелкозернистые. Технические условия" (GOST 26633-2015 "Bê tông nặng và bê tông hạt nhỏ - Yêu cầu kỹ thuật")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
210.		Bê tông cường độ cao cho kết cấu toàn khối - Nguyên tắc kiểm soát và đánh giá chất lượng	Tham khảo ГОСТ 31914-2012 "Бетоны высокопрочные тяжелые и мелкозернистые для монолитных конструкций. Правила контроля и оценки качества" (GOST 31914-2102 "Bê tông cường độ cao và bê tông hạt nhỏ kết cấu toàn khối - Nguyên tắc kiểm soát và đánh giá chất lượng")	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

211.		Hỗn hợp bê tông - Phần 5: Phương pháp xác định độ linh động - Phương pháp bàn chảy	Tham khảo BS EN 12350-5:2019 Testing fresh concrete. Flow table test	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
212.		Cốt liệu cho vữa - Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo BS EN 13139:2013 Aggregates for mortar	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
213.		Cốt liệu - Phương pháp thử các tính chất hình học - Phần 7. Xác định hàm lượng vỏ sò trong cốt liệu lớn	Tham khảo BS EN 933-7 Tests for geometrical properties of aggregates - Part 7: Determination of shell content - Percentage of shells in coarse aggregate	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
214.		Cốt liệu - Phương pháp thử các tính chất hóa học - Phần 5. Xác định hàm lượng muối Clo tan trong axit	Tham khảo BS EN 1744-5 Tests for chemical properties of aggregates - Part 5: Determination of acid soluble chloride salts	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
215.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 1: Yêu cầu chung	Tham khảo BS EN 934-1:2008, Admixtures for concrete, mortar and grout. Part 1: Common requirements	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
216.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 2: Phụ gia cho bê tông -Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo BS EN 934-2:2009, Admixtures for concrete, mortar and grout. Part 2: Concrete admixtures. Definitions, requirements, conformity, marking and labelling	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
217.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót. Phần 6: Lấy	Tham khảo BS EN 934-6:2019, Admixtures for	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			

		mẫu, đánh giá và xác nhận sự ổn định chất lượng	concrete, mortar and grout. Part 6: Sampling, assessment and verification of the constancy of performance						
218.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 1: Bê tông và vữa đối chứng dùng trong thử nghiệm	Tham khảo BS EN 480-1, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 1: Reference concrete and reference mortar for testing;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Theo Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng
219.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định thời gian đông kết	Tham khảo BS EN 480-2, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 2: Determination of setting time	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên

220.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định độ tách vữa	Tham khảo BS EN 480-4, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 4: Determination of bleeding of concrete	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
221.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 6: Phân tích hồng ngoại	Tham khảo BS EN 480-6, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 6: Infrared analysis;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
222.		Phụ gia hóa học cho bê tông, vữa xây và vữa rót - Phần 8: Xác định hàm lượng vật liệu khô thông thường	Tham khảo BS EN 480-8, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 8: Determination of the conventional dry material content;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
223.		Phụ gia cho bê tông, vữa và vữa rót - Phương pháp thử - Phần 10: Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	Tham khảo BS EN 480-10, Admixtures for concrete, mortar and grout - Test methods - Part 10: Determination of water soluble chloride content;	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
224.		Nước trộn bê tông	Tham khảo BS EN1008 Mixing water for concrete – Specification on sampling, testing and assessing the suitability of water, including water recovered from processes in the concrete industry,	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên

			as mixing water for concrete						
225.		Phương pháp nhanh xác định hoạt tính của xỉ lò cao nghiền mịn	Tham khảo ASTM C1073 Standard Test Method for Hydraulic Activity of Slag Cement by Reaction with Alkali	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
226.		Xi măng xây trát - Phần 1: Thành phần, yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	Tham khảo BS EN 413-1 Masonry cement Part 1: Composition, specifications and conformity criteria	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			Theo Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng
227.		Xi măng xây trát - Phương pháp thử	Tham khảo BS EN 413-2: 2016 Masonry cement – Part 2: Test Method	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
228.		Xi măng - Phần 5: Xi măng pooc lăng đa cấu tử CEM II/C-M và Xi măng đa cấu tử CEM VI	Tham khảo BS EN 197-5 Cement Portland-composite cement CEM	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên

			II/C-M and Composite cement CEM VI						
229.		Yêu cầu kỹ thuật đối với đá vôi mịn để sử dụng trong xi măng pooc lăng	Tham khảo BS 7979 Specification for limestone fines for use with Portland cement	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
230.		Hỗn hợp hạt liên kết tro bay - Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo BS EN 14227-3 Hydraulically bound mixtures – Specifications – Part 3: Fly ash bound granular mixtures.	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
231.		Tro bay cho hỗn hợp kết dính - Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo BS EN 14227-4 Hydraulically bound mixtures — Specifications: Part 4: Fly ash for hydraulically bound mixtures	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
232.		Kính xây dựng - Sản phẩm cơ bản đặc biệt. Gốm thủy tinh. Đánh giá phù hợp - Tiêu chuẩn sản phẩm	Tham khảo BS EN 1748-2-2: Glass in building – Special basic products – Glass ceramics – Part 2-2: Evaluation of conformity/product standard	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
233.		Kính xây dựng - Kính thành phần và cách âm trong không khí - Phương pháp đo trở kháng cơ học của kính dán	Tham khảo ISO 16940:2008 Glass in building - Glazing and airborne sound insulation - Measurement of the mechanical impedance of laminated glass	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

234.		Kính xây dựng - Xác định giá trị cân bằng năng lượng - Phương pháp tính	Tham khảo ISO 14438 Glass in building - Determination of energy balance value - Calculation method.	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
235.		Chất trám liên kết. Chất trám liên kết chịu ánh sáng mặt trời trực tiếp sử dụng trong lắp kính	Tham khảo BS EN 15434-1:2023 Bonding sealants. Bonded glazing sealants for direct light exposure	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
236.		Bông khoáng cách nhiệt dạng ống -Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C547 – 22: “Standard Specification for Mineral Fiber Pipe Insulation”	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
237.		Bông khoáng cách nhiệt dạng cuộn sử dụng trong dân dụng và công nghiệp -Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo ASTM C553 (2019) “Standard Specification for Mineral Fiber Blanket Thermal Insulation for Commercial and Industrial Applications”	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
238.		Vật liệu cách nhiệt- Phương pháp xác định chiều dày và khối lượng thể tích của vật liệu cách nhiệt dạng cuộn	Tham khảo ASTM C167- 18 Standard Test Methods for Thickness and Density of Blanket or Batt Thermal Insulations	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
239.		Vật liệu cách nhiệt-Phương pháp xác định độ co nở kích thước tại nhiệt độ làm việc tối đa	Tham khảo ASTM C356 - 17 Standard Test Method for Linear Shrinkage of Preformed High- Temperature Thermal	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

			Insulation Subjected to Soaking Heat						
240.		Vật liệu cách nhiệt - Phương pháp xác định nhiệt độ sử dụng tối đa	Tham khảo ASTM C411 - 19: Standard Test Method for Hot-Surface Performance of High-Temperature Thermal Insulation.	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
241.		Sơn silicat – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Tham khảo JIS A 6909 Coating materials for textured finishes of buildings	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
242.		Yêu cầu kỹ thuật đối với viên xây Phần 2: Viên xây canxi silicat Phần 3: Viên xây bê tông cốt liệu Phần 4: Viên xây bê tông khí chưng áp Phần 5: Viên xây đá nhân tạo Phần 6: Viên xây đá tự nhiên	Tham khảo BS EN 771:2011+A1:2015 Specification for masonry units - Part 2: Calcium silicate masonry units Part 3: Aggregate concrete masonry units (Dense and lightweight aggregates) - Part 4: Autoclaved aerated concrete masonry units - Part 5: Manufactured stone masonry units - Part 6: Natural stone masonry units	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			Theo Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng

243.		<p>Phương pháp thử đối với viên xây</p> <p>Phần 2: Xác định độ rỗng của viên xây (bằng phương pháp vết giấy)</p> <p>- Phần 3: Xác định thể tích thực và độ rỗng của viên xây đất sét nung bằng cân thủy tĩnh</p> <p>- Phần 4: Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng tổng và độ rỗng hở của viên xây đá tự nhiên</p> <p>- Phần 5: Xác định lượng muối hoạt tính hòa tan của viên xây đất sét nung</p> <p>- Phần 10: Xác định độ ẩm của viên xây canxi silicat và bê tông khí chung áp</p> <p>- Phần 11: Xác định độ hút nước do mao dẫn của viên xây bê tông cốt liệu, viên xây bê tông khí chung áp, viên xây đá nhân tạo và viên xây đá tự nhiên và xác định tốc độ hút nước ban đầu của viên xây đất sét nung</p> <p>- Phần 14: Xác định độ giãn nở ẩm của viên xây bê tông cốt liệu và viên xây đá nhân tạo</p> <p>- Phần 15: Xác định độ thoát hơi của viên xây bê tông khí chung áp</p>	<p>Tham khảo BS EN 772 - Methods of test for masonry units</p> <p>- Part 2: Determination of percentage area of voids in masonry units (by paper indentation)</p> <p>- Part 3: Determination of net volume and percentage of voids of clay masonry units by hydrostage weighing</p> <p>- Part 4: Determination of real and bulk density and of total and open porosity for natural stone masonry units</p> <p>- Part 5: Determination of the active soluble salts content of clay masonry units</p> <p>- Part 10: Determination of moisture content of calcium silicate and autoclaved aerated concrete units</p> <p>- Part 11: Determination of water absorption of aggregate concrete, autoclaved aerated concrete, manufactured stone and natural stone masonry units due to capillary action and the</p>	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			Tương tự như trên
------	--	--	--	------------------------	------	------	--	--	-------------------

		<p>- Phần 18: Xác định độ bền băng giá của viên xây canxi silicat</p> <p>- Phần 19: Xác định độ giãn nở ẩm của viên xây đất sét nung có lỗ nằm ngang cỡ lớn</p> <p>- Phần 22: Xác định độ bền băng giá của viên xây đất sét nung</p>	<p>initial rate of water absorption of clay masonry units</p> <p>- Part 14: Determination of moisture movement of aggregate concrete and manufactured stone masonry units</p> <p>- Part 15: Determination of water vapour permeability of autoclaved aerated concrete masonry units</p> <p>- Part 18: Determination of freeze-thaw resistance of calcium silicate masonry units</p> <p>- Part 19: Determination of moisture expansion of large horizontally perforated clay masonry units</p> <p>- Part 22: Determination of freeze/thaw resistance of clay masonry units</p>						
244.		<p>Kích thước gạch chịu lửa</p> <p>Phần 1: Gạch chịu lửa- kích thước - Gạch tiêu chuẩn.</p> <p>Phần 2: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch vòm.</p> <p>Phần 3: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch tiêu chuẩn khoang tích nhiệt cho lò gia nhiệt.</p>	<p>Tham khảo ISO 5019 (1-5):2014 Refractory bricks-Dimension</p>	<p>Viện Vật liệu xây dựng</p>	2025	2026			

		Phần 4: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch vòm cho nắp lò điện. Phần 5: Gạch chịu lửa - Kích thước - Gạch chân vòm							
245.		Kính xây dựng - Xác định độ phát xạ	Tham khảo BS EN 12898:2019 Glass in building. Determination of the emissivity	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
246.		Kính xây dựng - An toàn trong trường hợp cháy, khả năng chịu lửa. Phương pháp thử để phân loại	Tham khảo BS EN 15998:2020 Glass in building. Safety in case of fire, fire resistance. Glass testing methodology for the purpose of classification	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
247.		Sơn và vecni - Xác định độ bám dính của màng sơn	Tham khảo ISO 4624, Paints and varnishes - Pull-off test for adhesion	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
248.		Bột vỏ hào (ốc, sò) làm nguyên liệu cho sơn tường nội thất	J Tham khảo C T2498-2018 Shell Powder Decorative Interior Wall Materials. - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu công nghệ sử dụng phế thải vỏ hào (ốc, sò) để làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng”, RD 23-22	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

249.		Kính siêu trắng dùng cho pin năng lượng mặt trời	Tham khảo JC/T 2001-2009 Glass for solar cell module	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
250.		Đá vôi để sản xuất clanhke xi măng pooc lăng	Soát xét TCVN 6072:2013	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
251.		Phụ gia chống rửa trôi cho bê tông dưới nước	Tham khảo BS 8443:2005 Specification for establishing the suitability of special purpose concrete admixtures	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
252.		Hiệu suất nhiệt của công trình - Xác định độ lọt khí của công trình - Phương pháp quạt điều áp	Tham khảo ISO 9972:2015 Thermal performance of buildings - Determination of air permeability of buildings - Fan pressurization method	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
253.		Phương pháp tính toán chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời cho các bề mặt chắn nắng nằm ngang và độ dốc thấp	Tham khảo ASTM E1980-11(2019) Standard practice for Calculating solar reflectance index of horizontal and low-sloped opaque surfaces	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
254.		Cách nhiệt - Xác định nhiệt trở ở trạng thái ổn định và các đặc tính liên quan - Thiết bị đo dòng nhiệt	Tham khảo ISO 8301:1991 WITH AMENDMENT 1:2010 Thermal insulation — Determination of steady-state thermal resistance and related properties — Heat flow meter apparatus	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

			- Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử nghiệm dán nhãn năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22						
255.		Cách nhiệt - Xác định nhiệt trở ở trạng thái ổn định và các đặc tính liên quan - Thiết bị tắm nóng được bảo vệ	Tham khảo ISO 8302:1991 Thermal insulation - Determination of steady - state thermal resistance and related properties - Guarded hot plate apparatus - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử nghiệm dán nhãn năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
256.		Hiệu suất năng lượng của hệ thống xuyên sáng cho công trình - Quy trình tính toán	Soát xét TCVN 9028:2011 ISO 18292:2011 WITH TECHNICAL CORRIGENDUM 1:2012 Energy performance of fenestration system for residential buildings – Calculation procedure - Là sản phẩm của nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, thử	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

			thực nghiệm đánh giá năng lượng cho một số sản phẩm, vật liệu xây dựng”, RD 20-22						
257.		Vữa cho khối xây bê tông nhẹ	Tham khảo ASTM C1660-10(2018) Standard Specification for Thin-bed Mortar for Autoclaved Aerated Concrete (AAC) Masonry ASTM C1006-07(2013) Standard Test Method for Splitting Tensile Strength of Masonry Units	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
258.		Gạch bê tông tự chèn	Soát xét TCVN 6476:1999 Tham khảo BS EN 1338:2003 Concrete paving blocks. Requirements and test methods	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
259.		Xác định phát thải khí nhà kính (GHG)	Tham khảo EN 19694-3: 2016 Stationary source emissions — Determination of greenhouse gas emissions in energy-intensive industries — Part 1: General aspects	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			
260.		Xác định phát thải khí nhà kính (GHG) của ngành công nghiệp xi măng	Tham khảo EN 19694-3: 2016 Stationary source emissions - Determination of greenhouse gas (GHG)	Viện Vật liệu xây dựng	2025	2026			

			emissions in energy-intensive industries - Part 3: Cement industry						
261.		Nhà và công trình, nguyên tắc khảo sát công trình sau cháy	Tham khảo СП 325.1325800.2017 Здания и сооружения. Правила производства работ при демонтаже и утилизации (SP 325.1325800.2017 Nhà và công trình - Quy định thi công tháo dỡ, phá dỡ và tái chế phế thải)	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
262.		Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 11: Các yêu cầu riêng về đánh giá giải pháp bảo vệ chống cháy cho bộ phận kết cấu thép	Tham khảo ISO 834-11:2014 Fire resistance tests - Elements of building construction Part 11: Specific requirements for the assessment of fire protection to structural steel elements thử nghiệm chịu lửa SO 834-11:2014	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
263.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	Soát xét TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	Viện Khoa học công nghệ xây dựng	2025	2026			
264.		Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận của công trình xây dựng - Phần 2: Các quy trình bổ sung và thay thế	Tham khảo EN 1363-2:1999 Fire resistance tests - Part 2: Alternative and additional procedures	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			

265.		Thang di động và tháp làm việc lắp ráp từ các bộ phận chế tạo sẵn. Phần 2: Các nguyên tắc và chỉ dẫn cho hướng dẫn sử dụng	Tham khảo EN 1004 - 2 Mobile access and working towers made of prefabricated elements - Part 2: Rules and guidelines for the preparation of an instruction manual	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			
266.		Thiết bị làm việc tạm thời - Lưới an toàn - Phần 2: Các yêu cầu an toàn về giới hạn cho các vị trí lắp dựng	Tham khảo EN 1263-2:2014 Temporary works equipment - Safety nets Part 2: Safety requirements for the positioning limits	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			
267.		Thiết bị làm việc tạm thời - Lưới an toàn - Phần 3: Sử dụng lưới an toàn trên các công trình xây dựng và công việc khác	Tham khảo BS 8411:2007 Code of practice for safety nets on construction sites and other works	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			
268.		Thiết kế kết cấu thép tạo hình nguội	Tham khảo - SP 260. 1325800:2023 Конструкции стальные тонкостенные из холодногнутого оцинкованных профилей и гофрированных листов. Правила проектирования, (SP 260. 1325800:2023 Kết cấu thép thành mỏng từ thanh định hình mạ kẽm	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2025	2026			

			uốn nguội và tấm tôn: Nguyên lý thiết kế)						
269.		Neo trong bê tông cho kết cấu xây dựng và thiết bị: Phần 1: Thuật ngữ và định nghĩa - Phân loại; Phần 2: Phương pháp thử	Tham khảo - GOST P 57787-2017: КРЕПЛЕНИЯ АНКЕРНЫЕ ДЛЯ СТРОИТЕЛЬСТВА - Термины и определения. Классификация - GOST P 56731-2015: АНКЕРЫ МЕХАНИЧЕСКИЕ ДЛЯ КРЕПЛЕНИЯ В БЕТОНЕ Методы испытаний	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
270.		Các sản phẩm ống bê tông và cấu kiện bê tông phụ trợ: Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật cho ống bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép (bao gồm cả ống kích) và cấu kiện khớp nối mềm; Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật cho hố ga thu và giếng tiêu nước sử dụng bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép; Phần 3: Yêu cầu kỹ thuật cho hố ga thăm sử dụng bê tông không cốt thép và bê tông cốt thép; Phần 4: Yêu cầu kỹ thuật cho ống cống không áp lực suất ứng lực trước và phụ kiện với mối nối dạng mềm; Phần 5: Yêu cầu kỹ thuật cho rãnh thoát nước và tấm phủ	Tham khảo 1) BS 5911-1:2021 Concrete pipes and ancillary concrete - Part 1: Unreinforced and reinforced concrete pipes (including jacking pipes) and fittings with flexible joints (complementary to BS EN 1916:2002) – Specification; 2) BS 5911-2:1982 Precast concrete pipes and ancillary concrete products - Part 2: Specification for inspection chambers;	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			

			<p>3) BS 5911-3:2010 Concrete pipes and ancillary concrete products - Part 3: Specification for unreinforced and reinforced concrete manholes and soakaways (complementary to BS EN 1917:2002);</p> <p>4) BS 5911-4:2002+A2:2010 Concrete pipes and ancillary concrete products - Part 4: Specification for unreinforced and reinforced concrete inspection chambers (complementary to BS EN 1917:2002);</p> <p>5) BS 5911-5:2004+A1:2010 Concrete pipes and ancillary concrete products - Part 5: Specification for prestressed non-pressure pipes and fittings with flexible joints;</p> <p>6) BS 5911-6:2021 Concrete pipes and ancillary concrete products - Part 6: Road</p>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			gullies and gully cover slabs — Specification; 7) BS EN 1916:2002 Concrete pipes and fittings, unreinforced, steel fibre and reinforced (AMD Corrigendum 15288); 8) BS EN 1917:2002 Concrete manholes and inspection chambers, unreinforced, steel fibre and reinforced (AMD Corrigendum 15289).						
271.		Hệ ván khuôn và chống đỡ tạm thời: Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật; Phần 2: Phương pháp thử; Phần 3: Nguyên tắc thiết kế	Tham khảo 1) ГОСТ 34329-2017, Опалубка. Общие технические условия; 2) ГОСТ Р 52752-2007, Опалубка. Методы испытаний; 3) СП 371.1325800.2017, Опалубка. Правила проектирования;	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
272.		Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt: (1) Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt - Neo đất; (2) Thi công công tác địa kỹ thuật đặc biệt - Đường thấm thẳng đứng thoát nước.	Tham EN 206-1, Concrete — Part 1: Specification, performance, production and conformity EN 447, Grout for prestressing tendons — Basic requirements	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			

			<p>EN 934-2, Admixtures for concrete, mortar and grout — Part 2: Concrete admixtures — Definitions, requirements, conformity, marking and labelling</p> <p>EN 1992-1-1, Eurocode 2: Design of concrete structures — Part 1-1: General rules and rules for buildings</p> <p>EN 1997-1:2004, Eurocode 7: Geotechnical design — Part 1: General rules</p> <p>EN 1997-2, Eurocode 7 — Geotechnical design — Part 2: Ground investigation and testing</p> <p>EN 10025 (all parts), Hot-rolled products of structural steels</p> <p>EN 10080, Steel for the reinforcement of concrete — Weldable reinforcing steel — General</p> <p>prEN 10138-1, Prestressing steel — Part 1: General requirements</p> <p>EN 10210-1, Hot finished structural hollow sections of non-alloy and fine grain steels — Part 1:</p>						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

			<p>Technical delivery conditions</p> <p>EN 10219-1, Cold formed welded structural hollow sections of non-alloy and fine grain steels — Part 1: Technical delivery conditions</p> <p>EN 10219-2, Cold formed welded structural hollow sections of non-alloy and fine grain steels — Part 2: Tolerances, dimensions and sectional properties</p> <p>EN ISO 12944-5, Paints and varnishes — Corrosion protection of steel structures by protective paint systems — Part 5: Protective paint systems (ISO 12944-5)</p> <p>prEN ISO 22477-5, Geotechnical investigation and testing — Testing of geotechnical structures — Part 5: Testing of anchorages (ISO/DIS 22477-5)1)</p> <p>ETAG 013, Post-tensioning kits for prestressing of structures</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

273.		Ổng cống bê tông cốt thép thoát nước	Soát xét TCVN 9113:2012 Ổng cống bê tông cốt thép thoát nước	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
274.		Cống hộp bê tông cốt thép	Soát xét TCVN 9116:2012 Công hộp bê tông cốt thép		2025	2026			
275.		Máy và Thiết bị xây dựng cho nhóm máy vận chuyển liên tục - dạng băng tải: Máy và thiết bị vận chuyển liên tục - Băng tải đai: Phần 1: Kích thước chính, thông số máy và ký hiệu. Phần 2: Kích thước chính của cụm con lăn cho băng tải vận chuyển vật liệu rời. Phần 3: Các cụm tang băng tải. Phần 4: Đặc trưng của dải băng tải - Phân loại. Phần 5: Cơ sở tính toán và xác định kích thước. Phần 6: Yêu cầu an toàn và yêu cầu EMC cho băng tải cố định vận chuyển vật liệu rời	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
276.		Cần trục - Sử dụng an toàn - Phần 3: Cần trục tháp	Soát xét TCVN 7549-3:2007 (ISO 12480-3:2005)	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			
277.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép - Bê tông	Xây dựng mới Tham khảo SP 266.1325800.2016 Tiếng Nga : Конструкции сталежелезобетонные. Правила проектирования.	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2025	2026			

			Tiếng Anh: Composite steel and concrete structures. Design rules						
<b>XI. <u>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</u></b>									
278.		Đánh giá sự phù hợp - Từ vựng và các nguyên tắc chung	Sửa đổi, bổ sung TCVN ISO/IEC 17000:2020	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2025	2026			
279.		Đánh giá sự phù hợp - Nguyên tắc chung và yêu cầu đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận	Sửa đổi, bổ sung TCVN ISO/IEC 17029:2019	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2025	2026			
280.		Khí nhà kính - Các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định và kiểm định khí nhà kính sử dụng trong việc công nhận hoặc các hình thức thừa nhận khác	Sửa đổi, bổ sung TCVN ISO 14065:2011	TCVN/TC 207 Quản lý môi trường	2025	2026			
281.		Tổ yến sơ chế - Phần 1: Tổ yến sơ chế từ yến đảo	TAS 6705-2014, MS 2334:2011, GH/T 1092-2014, kết quả thử nghiệm...	TCVN/TC F23 Tổ yến và Sản phẩm từ tổ yến	2025	2026			
282.		Tổ yến sơ chế - Phần 2: Tổ yến sơ chế từ yến nuôi	TAS 6705-2014, MS 2334:2011, GH/T 1092-2014, kết quả thử nghiệm...	TCVN/TC F23 Tổ yến và Sản phẩm từ tổ yến	2025	2026			
283.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 1: Từ vựng	IEC 62933-1:2024 Electrical energy storage (EES) systems - Part 1: Vocabulary	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
284.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 2-1: Thông số	IEC 62933-2-1 Electrical energy storage (EES)	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			

		đơn vị và phương pháp thử nghiệm - Đặc điểm kỹ thuật chung	systems - Part 2-1: Unit parameters and testing methods - General specification						
285.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 2-2: Thông số đơn vị và phương pháp thử nghiệm - Kiểm tra ứng dụng và hiệu suất	IEC TS 62933-2-2:2022 Electrical energy storage (EES) systems - Part 2-2: Unit parameters and testing methods - Application and performance testing	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
286.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 2-200: Thông số đơn vị và phương pháp thử nghiệm - Nghiên cứu điển hình về hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) đặt trong trạm sạc EV có PV	IEC TR 62933-2-200:2021 Electrical energy storage (EES) systems - Part 2-200: Unit parameters and testing methods - Case study of electrical energy storage (EES) systems located in EV charging station with PV	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
287.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 3-1: Lập kế hoạch và đánh giá hiệu suất của hệ thống lưu trữ năng lượng điện - Đặc điểm kỹ thuật chung	IEC TS 62933-3-1:2018 Electrical energy storage (EES) systems - Part 3-1: Planning and performance assessment of electrical energy storage systems - General specification	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
288.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 3-2: Lập kế hoạch và đánh giá hiệu suất của hệ thống lưu trữ năng lượng điện - Các yêu cầu bổ sung đối với	IEC TS 62933-3-2:2023 Electrical Energy Storage (EES) Systems - Part 3-2: Planning and performance assessment of electrical	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			

		các ứng dụng liên quan đến tích hợp nguồn năng lượng tái tạo và sử dụng nhiều năng lượng	energy storage systems - Additional requirements for power intensive and renewable energy sources integration related applications						
289.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 3-3: Lập kế hoạch và đánh giá hiệu suất của hệ thống lưu trữ năng lượng điện - Yêu cầu bổ sung đối với các ứng dụng sử dụng nhiều năng lượng và điện dự phòng	IEC TS 62933-3-3:2022 Electrical Energy Storage (EES) Systems - Part 3-3: Planning and performance assessment of electrical energy storage systems - Additional requirements for energy intensive and backup power applications	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
290.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 4-1: Hướng dẫn về các vấn đề môi trường - Đặc điểm kỹ thuật chung	IEC TS 62933-4-1:2017 Electrical energy storage (EES) systems - Part 4-1: Guidance on environmental issues - General specification	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
291.		Hệ thống Lưu trữ Năng lượng Điện - Phần 4-2: Đánh giá tác động môi trường của sự cố pin trong hệ thống lưu trữ dựa trên nguyên lý điện hóa	prEN IEC 62933-4-2:2023 Electric Energy Storage Systems - Part 4-2- Assessment of the environmental impact of battery failure in electrochemical based an storage system.	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
292.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 4-3: Các yêu cầu bảo vệ của hệ thống lưu trữ năng lượng	Revised Compilation of Comments on 120/370/CD - IEC 62933-	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			

		pin (BESS) theo điều kiện môi trường và các loại vị trí	4-3 ED1 Electrical energy storage(EES) systems - Part 4-3: The protection requirements of BESS according to the environmental conditions and location types						
293.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 4-4: Tiêu chuẩn về các vấn đề môi trường Hệ thống lưu trữ năng lượng dựa trên pin (BESS) với pin tái sử dụng - Yêu cầu	IEC 62933-4-4:2023 Electrical energy storage (EES) systems - Part 4-4: Standard on environmental issues battery-based energy storage systems (BESS) with reused batteries – requirements	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
294.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 5-1: Cân nhắc an toàn cho các hệ thống EES tích hợp lưới điện - Thông số kỹ thuật chung	IEC TS 62933-5-1:2017 Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-1: Safety considerations for grid-integrated EES systems - General specification	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
295.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) - Phần 5-2: Yêu cầu an toàn đối với hệ thống EES tích hợp lưới điện - Hệ thống dựa trên điện hóa	IEC 62933-5-2:2020 Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-2: Safety requirements for grid-integrated EES systems - Electrochemical-based systems	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			

296.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (EES) Phần 5-3: Các yêu cầu an toàn đối với các hệ thống EES dựa trên điện hóa xem xét ban đầu Sửa đổi không lường trước - thay thế một phần, thay đổi ứng dụng, di dời và nạp pin tái sử dụng	IEC 62933-5-3:2023 Electrical energy storage (EES) systems Part 5-3: Safety requirements for electrochemical based EES systems considering initially non-anticipated modifications - partial replacement, changing application, relocation and loading reused battery	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			
297.		Hệ thống lưu trữ năng lượng điện (ESS) - Phần 5-4: Các phương pháp và quy trình thử nghiệm an toàn cho hệ thống ESS tích hợp lưới điện - Hệ thống dựa trên pin lithium-ion	IEC 62933-5-4 Electrical energy storage (ESS) systems - Part 5-4 – Safety test methods and procedures for grid integrated EES systems – Lithium-ion battery-based systems	TCVN/TC E18 Pin và ắc quy	2025	2026			

**Chú thích:** Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.